

Bản án số: 29/2020/DS - ST

Ngày: 28 - 5 - 2020

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ XUYỀN, TP HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Văn Phong.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Tuấn Anh và ông Đỗ Quang Huy.

- Ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quốc Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 44/2019/TLST – DS ngày 13 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2020/QĐXXST - DS ngày 08 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N. Trụ sở tại: Số 2 đường L, phường T, quận B, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K – Chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên.

Những người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành C - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh huyện P, Hà Nội II. (Văn bản ủy quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014).

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Hoàng Văn T – Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh huyện P, Hà Nội II.

2. Bị đơn: Anh Đồng Đức P, sinh năm 1973.

Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Tiểu khu T, thị trấn P, huyện P, Hà Nội.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Vũ Thị Thu H, sinh năm 1977

- Bà Vũ Thị T, sinh năm 1949

- Ông Vũ Văn Y, sinh năm 1948

Đều đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Tiểu khu T, thị trấn P, huyện P, Hà Nội -

- Chị Đồng Thị H, sinh năm 1983

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Đồng Thị H là anh Đồng Đức P.

- UBND thị trấn P, huyện P, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Việt H – Chủ tịch UBND thị trấn P.

Ông T có mặt; anh P, chị H, ông Y, bà T, chị H, ông H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng N trình bày:

Ngày 24/10/2017, Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Phú Xuyên (gọi tắt là Ngân hàng A) và anh Đồng Đức P đã thống nhất cùng ký Hợp đồng tín dụng số 2213-LAV-201702219, theo đó:

- Hạn mức tín dụng là 3.400.000.000 đồng (Ba tỷ bốn trăm triệu đồng)
- Mục đích sử dụng vốn vay: kinh doanh gạch đá, vật liệu xây dựng;
- Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày 24/10/2017.
- Lãi suất trong hạn theo từng Giấy nhận nợ. Lãi suất quá hạn bằng 120% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.
- Toàn bộ dư nợ vay tại Hợp đồng tín dụng số 2213LAV201602535 ngày 19/10/2016 và phụ lục kèm theo được ký kết giữa Ngân hàng A và anh Đồng Đức P được chuyển sang để tiếp tục theo dõi và điều chỉnh tại Hợp đồng tín dụng này.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay bao gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 3, tờ bản đồ số 87a tại Đội 1, thôn D, xã H, huyện P, TP Hà Nội, được UBND huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 136907 ngày 28/9/2010 mang tên ông Đồng Đức P và vợ là bà Vũ Thị Thu H.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 287, tờ bản đồ số 2 tại thôn thôn T, xã C, huyện P, thành phố Hà Nội, được UBND huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 505902 ngày 12/02/1991 mang tên ông Vũ Văn Y.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 287, tờ bản đồ số 4 tại tiểu khu Th, thị trấn P, huyện P, thành phố Hà Nội, được UBND huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 289318 ngày 25/7/1994 mang tên bà Vũ Thị T.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 649, tờ bản đồ số 03 tại thôn D, xã H, huyện P, thành phố Hà Nội, được UBND huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 137433 ngày 21/11/2008 mang tên bà Đồng Thị H.

Sau khi ký hợp đồng, Ngân hàng A đã giải ngân cho anh P theo các giấy nhận nợ ngày 19/03/2018 và ngày 24/4/2018 với số tiền là 2.100.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh P đã thanh toán cho Ngân hàng A một phần nợ gốc và lãi, khi hết hạn hợp đồng thì không chịu thanh toán số nợ gốc còn lại vậy nên khoản vay 1.300.000.000 đồng bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 20/03/2018 và khoản vay 800.000.000 đồng bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 25/4/2018 .

Tính đến ngày 28/5/2020, anh P còn nợ Ngân hàng A số tiền cụ thể như sau:

- Nợ gốc: 2.042.500.000 đồng
- Nợ lãi quá hạn: 530.500.917 đồng
- Tổng cộng: 2.573.000.917 đồng.

Mặc dù phía Ngân hàng A đã nhiều lần làm việc trực tiếp và có văn bản yêu cầu anh Phương và những người liên quan thực hiện nghĩa vụ trả nợ nêu trên theo Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp đã ký kết. Tuy nhiên, tính đến nay anh P và những người liên quan vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng A trong việc thu hồi nợ. Do đó, Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên:

1/ Tuyên buộc anh Đồng Đức P phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Agribank toàn bộ số tiền tạm tính đến hết ngày 28/5/2020 cụ thể như sau:

- Nợ gốc: 2.042.500.000 đồng
- Nợ lãi quá hạn: 530.500.917 đồng
- Tổng cộng: 2.573.000.917 đồng.

2/ Tuyên buộc anh Đồng Đức P phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng nêu trên kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra bản án/quyết định cho đến khi trả hết nợ.

3/ Tuyên nếu anh Đồng Đức P không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý các tài sản bảo đảm nêu trên.

4/ Tuyên nếu số tiền thu hồi được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng A thì anh P vẫn phải tiếp tục thanh toán nốt số nợ còn thiếu.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Đồng Đức P trình bày:

Anh P xác nhận việc ký hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp như hồ sơ khởi kiện của Ngân hàng A. Quá trình thực hiện hợp đồng anh đã thanh toán được cho Ngân hàng A một phần nợ gốc và lãi, tính đến ngày 30/9/2019 anh còn nợ Ngân hàng A khoảng 2.441.411.250 đồng (trong đó nợ gốc: 2.085.500.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 301.639.028 đồng, nợ lãi quá hạn: 54.272.222 đồng) và nợ lãi tiếp tục phát sinh sau ngày 30/9/2019. Nay Ngân hàng A khởi kiện, anh P đề nghị được thỏa thuận với Ngân hàng A để kéo dài thời gian trả nợ.

Phía những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Vũ Thị Thu H, ông Vũ Văn Y, bà Vũ Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa làm việc, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng, cũng như không đưa ra quan điểm của mình.

UBND thị trấn P cung cấp: Vị trí thửa đất số 287, tờ bản đồ số 4 tại tiểu khu T, thị trấn P, huyện P, thành phố Hà Nội, được UBND huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 289318 ngày 25/7/1994 mang tên bà Vũ Thị T, có cạnh phía tây nằm tiếp giáp với Quốc lộ 1A. Đối chiếu trên thực địa thì chỉ có một phần công trình của bà Vũ Thị T và ông Vũ Văn Y là phần xây bán mái có cửa cuốn làm chỗ bán văn phòng phẩm và để phương tiện là nằm trên diện tích đất được cấp Giấy chứng nhận. Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với 80m2 đất được cấp Giấy chứng nhận thuộc tài sản thế chấp cho A. UBND thị trấn P không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết phần công trình của ông Y bà T xây dựng trên đất chưa được cấp giấy chứng nhận trong vụ án này.

Đại diện VKSND tham gia phiên tòa xác định:

Về tố tụng: Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định về thu thập chứng cứ, chấp hành đúng pháp luật tố tụng; Đương sự vắng mặt đã được Tòa án tạo mọi điều kiện để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự; Đương sự có mặt đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa...

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và áp dụng các Áp dụng các Điều: 280, 299, 307, 317, 320, 323, 463 và 466 Bộ luật Dân sự, xử: buộc anh Đồng Đức P phải trả cho Ngân hàng A số nợ tính đến ngày 28/5/2020 theo hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ là 2.573.000.917 đồng (Trong đó nợ gốc 2.042.500.000

đồng, nợ lãi quá hạn 530.500.917 đồng). Kể từ ngày 29/5/2020 anh P còn phải trả Ngân hàng A khoản tiền lãi tính trên số dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận cho đến khi trả hết dư nợ gốc.

Trường hợp anh P không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý các tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên để thu hồi nợ.

Trường hợp số tiền thu hồi được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ thì anh Phương vẫn phải thanh toán nốt số nợ còn thiếu cho Ngân hàng A.

Ngoài ra đề nghị buộc anh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện VKSND, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và Hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ, hợp đồng thế chấp tài sản cùng lời trình bày của các bên đương sự, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ kiện về tranh chấp hợp đồng dân sự theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; do bị đơn có địa chỉ và cư trú tại tiểu khu T, thị trấn P, huyện P, Thành phố Hà Nội, vì vậy TAND huyện P thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hiệu khởi kiện: Vụ án còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 149, 154, 157 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do vậy việc xét xử vắng mặt những người này là phù hợp theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Ngày 24/10/2017, anh Đồng Đức P ký kết Hợp đồng tín dụng số 2213-LAV-201702219 với Ngân hàng A và được giải ngân theo các giấy nhận nợ ngày 19/03/2018 và ngày 24/4/2018 với số tiền là 2.100.000.000 đồng. Các bên thỏa thuận: Mục đích sử dụng vốn vay: kinh doanh gạch đá, vật liệu xây dựng; thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày 24/10/2017; lãi suất trong hạn theo từng Giấy nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 120% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Căn cứ vào nội dung Hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợ ký kết giữa A với anh Đồng Đức P và các tài liệu chứng cứ do phía Ngân hàng A xuất trình tại phiên tòa như các Bảng tính số gốc, lãi đã trả và chưa trả của khoản vay (Gồm cả lãi trong hạn, lãi quá hạn)... đã có đủ cơ sở khẳng định tính đến thời điểm xét xử là ngày 28/5/2020 phía anh Đồng Đức P còn nợ Ngân hàng A 2.042.500.000 đồng tiền gốc và 530.500.917 đồng nợ lãi quá hạn.

Xét Hợp đồng tín dụng ký kết giữa các bên là bình đẳng, tự nguyện, các điều khoản quy định trong hợp đồng về lãi trong hạn, lãi quá hạn... đều không trái với quy định của pháp luật. Vì vậy, việc Ngân hàng A yêu anh Đồng Đức P phải trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn đến ngày 28/5/2020 (Thời điểm xét xử vụ kiện) tổng bằng 2.573.000.917 đồng là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng A về việc buộc anh Đồng Đức P phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ cho đến khi thanh toán hết dư nợ gốc: Hội đồng xét xử xét thấy việc vay nợ giữa anh P và Ngân hàng A được xác lập bằng hợp đồng tín dụng có thỏa thuận về lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn, các thỏa thuận về lãi suất là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật... Vì vậy cần buộc anh P phải tiếp tục thanh toán trả Ngân hàng A số tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ cho đến khi thanh toán hết dư nợ gốc.

Do đây là loại hợp đồng tín dụng có tài sản bảo đảm, việc thế chấp tài sản để đảm bảo cho khoản vay giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, được lập thành văn bản công chứng; thủ tục thế chấp tài sản đúng quy định của pháp luật... Vì vậy, trường hợp anh P không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng A đương nhiên được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý các tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên để thu hồi nợ.

Riêng đối với Hợp đồng thế chấp số 20032214 ký ngày 20/3/2014 giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng A với bên thế chấp là bà Vũ Thị T: Qua xem xét thẩm định, xác định chỉ có Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 287, diện tích 80m² thuộc tờ bản đồ số 4 tại tiểu khu T, thị trấn P (đã được UBND huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Vũ Thị T) quy định tại mục 1.1 điều 1 của Hợp đồng là tài sản hợp pháp của bà T. Còn phần tài sản là nhà xây kiên cố quy định tại 1.2 điều 1 của hợp đồng này, do phần lớn công trình xây dựng ngoài thửa đất 287 nêu trên và chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng nên chưa hội đủ các yếu tố để được coi là tài sản hợp pháp... Vì vậy, phía Ngân hàng A chỉ được quyền yêu cầu xử lý đối với phần tài sản hợp pháp đã đưa vào thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 287, tờ bản đồ số 4 tại tiểu khu T, thị trấn P, huyện P, thành phố Hà Nội (đã được UBND huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Vũ Thị T).

Do phía UBND thị trấn P không đề nghị Tòa án kiến nghị các cơ quan chức năng xử lý phần công trình của ông Y bà T xây dựng trên đất chưa được cấp Giấy chứng nhận nên không xem xét trong vụ án này.

Trường hợp số tiền phát mại các tài sản thế chấp không đủ thanh toán trả cho khoản nợ trên thì anh P vẫn phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng A cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

[3] *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp; phía bị đơn Đồng Đức P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều: 280, 299, 307, 317, 320, 323, 463 và 466 Bộ luật Dân sự; các Điều 30, 35, 39, 144, 147, 184, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N (gọi tắt là Ngân hàng A), cụ thể:

+ Buộc anh Đồng Đức P phải thanh toán trả Ngân hàng A:

- Nợ gốc: 2.042.500.000đ (Hai tỷ không trăm bốn mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng)

- Nợ lãi: 530.500.917đ (Năm trăm ba mươi triệu năm trăm ngàn chín trăm mười bảy đồng)

Tổng là 2.573.000.917 đồng. (Hai tỷ năm trăm bảy mươi ba triệu chín trăm mười bảy ngàn đồng).

Kể từ ngày 29/5/2020 cho đến khi thanh toán hết dư nợ gốc, anh Đồng Đức P còn phải trả Ngân hàng A số tiền lãi tính trên dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 2213-LAV-201702219 ngày 24/10/2017, Giấy nhận nợ ngày 19/03/2018 và Giấy nhận nợ ngày 24/4/2018.

+ Trường hợp anh Đồng Đức P không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý các tài sản bảo đảm để trừ nợ bao gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 3, tờ bản đồ số 87a tại Đội 1, thôn D, xã H, huyện P, TP Hà Nội, được UBND huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 136907 ngày 28/9/2010 mang tên Đồng Đức P và vợ là Vũ Thị Thu H.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 287, tờ bản đồ số 2 tại thôn thôn Thượng, xã C, huyện P, thành phố Hà Nội, được UBND huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 505902 ngày 12/02/1991 mang tên ông Vũ Văn Y.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 287, tờ bản đồ số 4 tại tiểu khu T, thị trấn P, huyện P, thành phố Hà Nội, được UBND huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 289318 ngày 25/7/1994 mang tên bà Vũ Thị T.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 649, tờ bản đồ số 03 tại thôn D, xã H, huyện P, thành phố Hà Nội, được UBND huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 137433 ngày 21/11/2008 mang tên bà Đồng Thị H.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý các tài sản bảo đảm nêu trên không đủ trả nợ thì anh Đồng Đức P vẫn phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng A cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

2. Về án phí, quyền kháng cáo, nghĩa vụ thi hành án:

- Anh Đồng Đức P phải nộp 83.460.018 đồng (*Tám mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi ngàn không trăm mười tám đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại Ngân hàng A 40.414.000 đồng (*Bốn mươi triệu bốn trăm mười bốn ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0005621 ngày 12/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, Thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, báo nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện P;
- VKSND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phùng Văn Phong